

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

**Bài học chủ nhật 8.1.2023**

---

### VIII

## PHẨM NGÀN

### (sahassavagga)

(Gồm có 16 bài kệ với 14 duyên sự)

## VIII. Phẩm ngàn \_ Kệ số 1 (dhp 100)

### Duyên sự:

Bài kệ này đức Phật thuyết khi Ngài ngự tại Veluvana gần thành Rājagaha, nhân câu chuyện của người đao phủ Tambadāthika.

Ở Rājagaha có người đao phủ chuyên thi hành án xử chém tội nhân, đao phủ ấy làm việc này mấy mươi năm. Khi già yếu nghĩ việc về nhà ông cứ bị ám ảnh mãi cảnh chặt đầu tội nhân.

Một ngày kia, ông Tambadāthika đang ngồi chuẩn bị ăn sáng chợt thấy một vị sa môn đứng khát thực trước cửa nhà. Đó là trưởng lão Sāriputta, ngày ấy trưởng lão vừa xả thiên diệt quán xét thấy duyên lành của đao phủ thủ Tambadāthika nên Ngài đi khát thực đến nhà ông. Ông Tambadāthika vừa thấy Ngài đã phát tâm tịnh tín, nghĩ rằng cuộc đời ta đã làm nghề tội ác, nay ta hãy tạo chút ít phước.

Nghĩ vậy, ông Tambadāthika bước ra quì trước mặt trưởng lão và thỉnh vào nhà để cúng dường. Trưởng lão Sāriputta đi vào nhà ông và ngồi trên chỗ ngồi được soạn sẵn. Ông Tambadāthika kính cẩn rót vật thực vào bát của trưởng lão.

Trưởng lão thọ thực xong mới thuyết pháp phúc chúc cho thí chủ. Ông Tambadāthika không thể chú tâm nghe pháp.

Trưởng lão Sāriputta biết tâm gia chủ bị xáo trộn bất an không lãnh hội pháp nên Ngài hỏi vì sao gia chủ không chú tâm nghe pháp?

Ông Tambadāṭhika đáp: “vì tôi hành nghề đao phủ nhiều năm, giết quá nhiều sinh mạng nên bị ám ảnh mãi, bởi thế tôi không thể tập trung tư tưởng nghe pháp được”.

Trưởng lão Sāriputta mới hỏi: “Ông tự ý muốn giết người, hay làm theo mệnh lệnh của vua?”.

“Bạch Ngài, tôi làm theo mệnh lệnh của vua”.

“Vậy thì ông hãy nghĩ rằng, do vua ra lệnh ta làm chứ ta không muốn”.

Ông Tambadāṭhika nghe thế thì tâm yên không bị ray rức nữa, ngồi chăm chú nghe trưởng lão thuyết pháp. Dứt pháp thoại ông đắc quả Tu đà hườn.

Khi trưởng lão Sāriputta từ biệt ra về, ông Tambadāṭhika tiễn chân trưởng lão một đoạn đường rồi quay về. Trên đường về ông Tambadāṭhika bị một nữ dạ xoa báo oán nhập vào con bò cái chạy đến húc chết, ông được tái sinh vào cõi trời Đâu Suất.

Các vị tỳ kheo biết việc người đao phủ Tambadāṭhika làm nghề thất đức, khi nghĩ việc đã cải tà qui chánh, hôm nay đã mệnh chung sau khi cúng dường cho tôn giả Sāriputta bữa ăn và nghe pháp. Không biết ông ta đã tái sinh về đâu nhỉ?

Đức Phật ngự đến giảng đường nghe chư tỳ kheo trình bày sự việc của ông thiện nam ấy và hỏi Ngài cõi tái sinh của ông thiện nam ấy.

Đức Phật phán bảo: “Ông ấy nhờ gặp được bậc hiền trí Sāriputta và được nghe pháp đã chứng pháp nhãn, sau khi mệnh chung đã sanh về cõi trời Đâu Suất”.

Các tỳ kheo tán thán giáo pháp: “Một người với thời gian dài làm đao phủ giết chết nhiều sinh mạng như thế mà nhờ nghe pháp được đắc quả và sanh về cõi trời. Giáo pháp thật tuyệt vời.

Đức Phật nhân mạnh: “Quả thật vậy, Pháp ta thuyết là pháp có lợi ích, dù chỉ nghe một câu cũng an tịnh, tốt hơn cả ngàn câu nói vô ích. “Rồi đức Phật nói lên bài kệ: “*Sahassamapi ce vācā ... yaṃ sutvā upasammāti*”.

Dứt pháp thoại có nhiều vị tỳ kheo đắc thánh quả.

**Chánh văn:**      **Sahassamapi ce vācā**  
                         **anattapadasaṃhitā**  
                         **ekaṃ atthapadaṃ seyyo**  
                         **yaṃ sutvā upasammati.**

(dhp 100)

\*

**Thích văn:**

**sahassamapi** [hợp âm **sahassaṃ api**]

**sahassaṃ** [chủ cách số ít của số mục tính từ trung tính **sahassa**] một ngàn.

**api ce** [bất biến từ] cho dù, dầu rằng.

**vācā** [chủ cách số nhiều của danh từ nữ tính **vācā**] lời nói.

**anattapadasaṃhitā** [chủ cách số nhiều nữ tính của hợp thể tính từ (anattapada + saṃhita)] liên kết câu từ vô nghĩa, có nội dung vô ích, bao gồm các câu vô bổ.

**ekaṃ** [chủ cách số ít trung tính của số mục tính từ **eka**] một, số một.

**atthapadaṃ** [chủ cách số ít của hợp thể danh từ trung tính **atthapada** (attha + pada)] câu nói ý nghĩa, câu nói có lợi ích.

**seyyo** [bất biến từ] tốt hơn.

**yaṃ** [đối cách số ít trung tính của quan hệ đại từ **ya**] cái mà, điều mà, điều nào.

**sutvā** [bất biến quá khứ phân từ của động từ **suṇāti** ( $\sqrt{\text{su}}$  + tvā)] sau khi nghe, nghe xong.

**upasammati** [động từ hiện tại ngôi III số ít (upa +  $\sqrt{\text{sam}}$  + ya)] được an tịnh, được tỉnh lặng, được tịnh lạc.

\*

**Viết văn:** Cho dù ngàn lời nói  
gồm những câu vô ích  
một câu ích tốt hơn  
vì nghe được an tịnh.

(pc 100)

\*

**Chuyển văn:**

*Anatthapadasaṃhitā vācā sahaṣṣaṃ api ce ekaṃ atthapadaṃ yaṃ sutvā  
upasammati seyyo.*

Dù cho cả ngàn lời toàn những câu vô ích, một câu có lợi ích mà nghe xong  
được an tịnh vẫn tốt hơn.

\*

**Lý giải:**

Lời nói vô ích (*anatthapadasaṃhitā vācā*) ở đây là ám chỉ lời nói không liên  
hệ đến lợi ích giải thoát, lợi ích níp bàn, hoặc lời nói mà khiến người nghe không  
sinh tâm thiện, chỉ sinh phiền não.

Câu nói hữu ích (*atthapadaṃ*) là câu nói có liên hệ lợi ích giải thoát, hoặc là  
lời nói khiến người nghe sinh tâm thiện, yên tịnh phiền não.

Có hai sự lợi ích: lợi ích hiệp thể hay lợi ích thể gian, và lợi ích siêu thể hay  
lợi ích xuất thể gian. Ở đây trong bài kệ này đức Phật nói đến lợi ích siêu thể. Người  
đạo phủ Tambadāthika về già tâm luôn ám ảnh việc làm chặt đầu tội nhân, cả lúc tôn  
giả Sāriputta thuyết pháp cho ông nghe, ông cũng không thể giữ tâm an tịnh để nghe  
pháp, nhưng sau đó tôn giả đã nói một câu mà khiến tâm của ông đạo phủ yên tịnh  
và nghe pháp chứng quả dự lưu.

Trong đời thường, cũng có thể áp dụng ý nghĩa bài kệ này. Khi thăm viếng  
một người bệnh hoặc người sắp chết, tinh thần họ bị bán loạn hoang mang, vị tỳ  
kheo viếng thăm người ấy không cần phải nói nhiều, chỉ nói một lời pháp trấn tĩnh  
họ được, lời nói ấy quý hơn ngàn lời không có lợi ích.

Hoặc một lời nói khiến người bất lương cải tà qui chánh, đó cũng là lời nói hữu ích tốt hơn ngàn lời vô ích ...

*Tỳ khưu Tuệ Siêu biên soạn*